

KẾ HOẠCH
Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026

Căn cứ Quyết định số 4255/QĐ-BNN-KHCN ngày 04/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Chương trình “Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2040” và Kế hoạch 223/KH-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2026 - 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2026 nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất, cảnh báo sớm môi trường có nguy cơ ô nhiễm, giảm thiểu thiệt hại cho người nuôi trồng thủy sản.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện quan trắc cảnh báo môi trường tại các vùng nuôi thủy sản tập trung của tỉnh, các đối tượng: Tôm nước lợ, ngao, cá lồng bè nước ngọt.
- Kết quả quan trắc và cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản được chuyển tải nhanh nhất đến các địa phương, cơ sở nuôi trồng thủy sản tại các khu vực được quan trắc giúp người nuôi chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất.
- Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý chất lượng nước, bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản

1.1. Tôm nuôi nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng)

a) Nguồn nước cấp nuôi tôm nước lợ

Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc tại 07 cửa sông cấp nước cho các vùng nuôi tôm nước lợ tập trung trên địa bàn tỉnh, lấy mẫu tại 15 vị trí như sau:

- Cửa sông lạch Càn: Lấy mẫu 01 vị trí tại khu vực cấp nước chung cho vùng nuôi tôm Nga Tân và Nga Tiến - xã Tân Tiến.

- Cửa sông lạch Sung: Lấy mẫu 01 vị trí tại khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm Nga Thủy - xã Nga Sơn và vùng nuôi tôm Đa Lộc - xã Vạn Lộc.

- Cửa sông lạch Trường: Lấy mẫu 04 vị trí gồm:

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Xuân Lộc - xã Hoa Lộc;

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hòa Lộc - xã Hoa Lộc;

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Đạt - xã Hoằng Hóa;

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Yến - xã Hoằng Tiến.

- Cửa sông Cung: Lấy mẫu 03 vị trí gồm:

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Phong;

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm nội đô Hoằng Châu;

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Phú.

- Cửa sông Mã: Lấy mẫu 01 vị trí tại khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm ngoại đô Hoằng Châu và vùng nuôi Hoằng Tân.

- Cửa sông Yên: Lấy mẫu 03 vị trí gồm:

- + 01 vị trí tại khu vực cấp chung cho 03 vùng nuôi tôm Quảng Chính, Quảng Trung, Quảng Khê - xã Quảng Chính và xã Tiên Trang;

- + 01 vị trí tại khu vực cấp chung cho 02 vùng nuôi tôm Tượng Văn, Tượng Lĩnh - xã Tượng Lĩnh và vùng nuôi tôm Trường Giang - xã Trường Văn;

- + 01 vị trí tại khu vực cấp chung cho 02 vùng nuôi Hải Châu và Thanh Thủy - phường Ngọc Sơn.

- Cửa sông Lạch Bạng: Lấy mẫu 02 vị trí gồm:

- + 01 vị trí tại khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Xuân Lâm - phường Đào Duy Từ;

+ 01 vị trí tại khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm Mai Lâm - phường Hải Bình và vùng nuôi tôm Trúc Lâm - phường Trúc Lâm.

- Thông số, tần suất, thời gian và số lượng mẫu quan trắc:

+ Các thông số: Độ mặn, pH, oxy hòa tan (DO), Ammonia tổng cộng ($\text{NH}_4^+ - \text{N}$), Nitrit ($\text{NO}_2^- - \text{N}$), Phosphat ($\text{PO}_4^{3-} - \text{P}$), độ kiềm (CaCO_3), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Vibrio tổng số (Vibrio sp) quan trắc với tần suất 2 lần/tháng; thời gian quan trắc từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 240 mẫu/năm.

+ Các thông số: Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng (Cd, Hg, Pb, As) quan trắc với tần suất 02 lần/năm; thời gian quan trắc vào tháng 4 và tháng 8 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 30 mẫu/năm.

b) Môi trường ao nuôi tôm

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước trong ao nuôi đại diện ở 21 vùng nuôi tôm nước lợ tập trung tại 14 xã, phường; lấy mẫu 01 vị trí/ao/vùng, cụ thể như sau:

+ Xã Tân Tiến: Lấy mẫu 01 vị trí vùng nuôi tôm Nga Tân và 01 vị trí vùng nuôi tôm Nga Tiến;

+ Xã Nga Sơn: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Nga Thủy;

+ Xã Vạn Lộc: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Đa Lộc;

+ Xã Hoa Lộc: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Xuân Lộc và 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hòa Lộc;

+ Xã Hoàng Hóa: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hoàng Đạt;

+ Xã Hoàng Tiến: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hoàng Yên;

+ Xã Hoàng Châu: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hoàng Phong, 01 vị trí vùng nuôi nội đê và 01 vị trí vùng nuôi ngoại đê Hoàng Châu;

+ Xã Hoàng Thanh: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hoàng Phụ;

+ Xã Quảng Chính: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Quảng Chính, 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Quảng Trung và 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Quảng Khê;

+ Xã Trường Văn: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Trường Giang;

+ Phường Ngọc Sơn: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Thanh Thủy và 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Hải Châu;

+ Phường Đào Duy Từ: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Xuân Lâm;

+ Phường Hải Bình: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Mai Lâm;

+ Phường Trúc Lâm: Lấy mẫu 01 vị trí tại vùng nuôi tôm Trúc lâm.

- Thông số, tần suất, thời gian và số lượng mẫu quan trắc: pH, độ mặn, độ kiềm, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, TSS, Vibrio sp quan trắc với tần suất 2 lần/tháng; thời gian quan trắc từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 336 mẫu/năm.

1.2. Ngao

- Điểm quan trắc: Thực hiện quan trắc môi trường nước nuôi ngao tại bãi nuôi ngao Hải Châu - phường Ngọc Sơn; bãi nuôi ngao Đa Lộc và Minh Lộc - xã Vạn Lộc; bãi nuôi ngao Nga Tân - xã Tân Tiến; mỗi bãi ngao lấy mẫu 01 vị trí.

- Thông số, tần suất, thời gian và số lượng mẫu quan trắc:

+ Các thông số: pH, độ mặn, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, Vibrio sp quan trắc với tần suất 2 lần/tháng; thời gian quan trắc từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 64 mẫu/năm.

+ Các thông số: Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng (Cd, Hg, Pb, As) quan trắc với tần suất 02 lần/năm; thời gian quan trắc vào tháng 4 và tháng 8 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 08 mẫu/năm.

1.3. Cá lồng nước ngọt

- Điểm quan trắc: thực hiện quan trắc môi trường nước tại khu vực nuôi cá lồng Cành Nàng - xã Bá Thước, Cẩm Thành - xã Cẩm Thạch, Hồ Cửa Đạt - xã Thường Xuân; mỗi khu vực nuôi lấy mẫu 01 vị trí.

- Thông số, tần suất, thời gian và số lượng mẫu quan trắc:

+ Các thông số: Độ dẫn điện (EC), pH, DO, COD, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, TSS, Aeromonas sp, Streptococcus sp, độ kiềm quan trắc với tần suất 2 lần/tháng; thời gian quan trắc từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 48 mẫu/năm.

+ Các thông số: Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng (Cd, Hg, Pb) quan trắc với tần suất 02 lần/năm; thời gian quan trắc vào tháng 4 và tháng 8 năm 2026; số lượng mẫu quan trắc 06 mẫu/năm

(chi tiết tại phụ lục I, II, III kèm theo).

2. Thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về quản lý chất lượng nước, bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Nội dung: Tuyên truyền các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn quan trắc, giám sát môi trường nuôi chủ động; các giải pháp kỹ thuật kiểm soát các yếu tố môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Hình thức: In tài liệu cấp phát cho cho cán bộ cấp xã, hợp tác xã, cơ sở nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Số lượng: 5.000 cuốn.

3. Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành nông nghiệp và môi trường, lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

Cập nhật kết quả về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2026 được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Biển đảo và Thủy sản thực hiện các nội dung sau:

- Lập dự toán kinh phí báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2026.

- Tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện hoạt động quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định hiện hành; kịp thời thông báo kết quả quan trắc môi trường, diễn biến chất lượng nước cho các địa phương, các cơ sở nuôi trồng thủy sản tại các khu vực được quan trắc; triển khai các biện pháp khắc phục; cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường, báo cáo Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người nuôi trồng thủy sản quan trắc, giám sát chất lượng nước tại khu vực nuôi của mình.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15/12/2026.

2. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí thực hiện kế hoạch trong dự toán đầu năm 2026 trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. UBND các xã, phường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị được lựa chọn quan trắc môi trường triển khai Kế hoạch đã được phê

duyet; theo dõi, thông báo kết quả quan trắc, cảnh báo kịp thời trên hệ thống truyền thanh, hệ thống mạng, ứng dụng điện thoại...; triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Chi cục Biển đảo và Thủy sản).

4. Các cơ sở nuôi trồng thủy sản: Theo dõi, giám sát môi trường tại cơ sở nuôi trồng thủy sản; ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản và đơn vị thực hiện quan trắc; cung cấp thông tin, số liệu về quan trắc môi trường, phòng bệnh động vật thủy sản nuôi khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý triển khai thực hiện hoạt động quan trắc môi trường kịp thời, hiệu quả.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Chi cục Biển đảo và Thủy sản;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm

Phụ lục I
ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI CÁC XÃ/PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Địa điểm quan trắc	Đối tượng quan trắc			
		Nguồn nước cấp nuôi tôm (vị trí)	Môi trường ao nuôi tôm đại diện (vị trí)	Môi trường nuôi ngao (vị trí)	Môi trường nuôi cá lồng nước ngọt (vị trí)
1	Cửa sông lạch Càn	1			
2	Cửa sông lạch Sung	1			
3	Cửa sông lạch Trường	4			
4	Cửa sông Cung	3			
5	Cửa sông Yên	3			
6	Cửa sông Bạng	2			
7	Cửa sông Mã	1			
8	xã Tân Tiến		2	1	
9	xã Nga Sơn		1		
10	xã Vạn Lộc		1	2	
11	xã Hoa Lộc		2		
12	xã Hoằng Hóa		1		
13	xã Hoằng Tiến		1		
14	xã Hoằng Châu		3		
15	xã Hoằng Thanh		1		
16	xã Quảng Chính		3		
17	xã Trường Văn		1		

18	Phường Ngọc Sơn		2	1	
19	Phường Đào Duy Từ		1		
20	Phường Hải Bình		1		
21	Phường Trúc Lâm		1		
22	xã Thường Xuân				1
23	xã Bá Thước				1
24	xã Cẩm Thạch				1
	Tổng cộng	15	21	4	3

Phụ lục II
THÔNG SỐ, TẦN SUẤT, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG MẪU
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2026
(kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đối tượng quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Thời gian quan trắc	Số lượng mẫu/lần	Tổng số (mẫu)
1	Nguồn nước cấp nuôi tôm nước lợ: 7 cửa sông -15 vị trí (01 mẫu/vị trí)	- Độ mặn, pH, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, TSS, độ kiềm, Vibrio sp	02 lần/tháng	08 tháng (từ tháng 3 đến tháng 10)	15	240
		- Thuốc Bảo vệ thực vật, - Kim loại nặng (Cd, Hg, As, Pb)	02 lần/năm	02 tháng (tháng 4 và tháng 8)	15	30
2	Môi trường ao nuôi tôm đại diện: 21 ao nuôi - 21 vị trí (01 mẫu/1ao)	- pH, độ mặn, độ kiềm, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, TSS, Vibrio sp	02 lần/tháng	08 tháng (từ tháng 3 đến tháng 10)	21	336
3	Môi trường nuôi ngao: 04 bãi nuôi ngao - 4 vị trí (01 mẫu/bãi ngao)	- pH, độ mặn, DO, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, Vibrio sp	02 lần/tháng	08 tháng (từ tháng 3 đến tháng 10)	4	64
		- Thuốc Bảo vệ thực vật - Kim loại nặng (Cd, Hg, As, Pb)	02 lần/năm	02 tháng (tháng 4 và tháng 8)	4	8
4	Môi trường nuôi cá lồng nước ngọt: 03 khu vực nuôi - 3 vị trí (01 mẫu/01 kv)	- EC, pH, DO, COD, $\text{NH}_4^+\text{-N}$, $\text{NO}_2^-\text{-N}$, $\text{PO}_4^{3-}\text{-P}$, TSS, độ kiềm, Aeromonas sp, Streptococcus sp,	02 lần/tháng	08 tháng (từ tháng 3 đến tháng 10)	3	48
		- Thuốc bảo vệ thực vật - Kim loại nặng (Cd, Hg, Pb)	2 lần/năm	02 tháng (tháng 4 và tháng 8)	3	6
	Tổng cộng					732

Phụ lục III**VỊ TRÍ LẤY MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NĂM 2026***(Kèm theo Kế hoạch /KH-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Địa điểm quan trắc	Tọa độ lấy mẫu	
		X	Y
I	Nguồn nước cấp nuôi tôm nước lợ		
1	Cửa sông lạch Càn: khu vực cấp nước chung cho vùng nuôi tôm Nga Tân và Nga Tiến	2210567	606959
2	Cửa sông lạch Sung: khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm Nga Thủy và vùng nuôi tôm Đa Lộc	2209277	603812
3	Cửa sông lạch Trường		
3.1	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Xuân Lộc</i>	2199743	594115
3.2	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hòa Lộc</i>	2199904	596454
3.3	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Đạt</i>	2201286	591501
3.4	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Yến</i>	2200106	598504
4	Cửa sông Cung		
4.1	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Phong</i>	2189764	594596
4.2	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm nội đê Hoằng Châu</i>	2189544	595970
4.3	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Hoằng Phụ</i>	2190207	595860
5	Cửa sông Mã: khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm ngoại đê Hoằng Châu và vùng nuôi Hoằng Tân	2187721	593043
6	Cửa sông Yên		
6.1	<i>Khu vực cấp chung cho 03 vùng nuôi tôm Quảng Chính, Quảng Trung, Quảng Khê - xã Quảng Chính và xã Tiên Trang</i>	2168471	581743
6.2	<i>Khu vực cấp chung cho 02 vùng nuôi tôm Tượng Văn, Tượng Lĩnh - xã</i>	2165576	576979

TT	Địa điểm quan trắc	Tọa độ lấy mẫu	
		X	Y
	<i>Tượng Lĩnh và vùng nuôi tôm Trường Giang - xã Trường Văn</i>		
6.3	<i>Khu vực cấp chung cho 02 vùng nuôi Hải Châu và Thanh Thủy</i>	2167681	582905
7	Cửa sông Bạng		
7.1	<i>Khu vực nước cấp cho vùng nuôi tôm Xuân Lâm</i>	2146895	580472
7.2	<i>Khu vực nước cấp chung cho vùng nuôi tôm Mai Lâm - phường Hải Bình và vùng nuôi tôm Trúc Lâm - phường Trúc Lâm</i>	2144595	579650
II	Môi trường ao nuôi tôm đại diện		
1	Vùng nuôi tôm Nga Tân	2212535	607165
2	Vùng nuôi tôm Nga Tiến	2210262	606442
3	Vùng nuôi tôm Nga Thủy	2209559	603921
4	Vùng nuôi tôm Đa Lộc	2208183	603997
5	Vùng nuôi tôm Xuân Lộc	2200434	596206
6	Vùng nuôi tôm Hòa Lộc	2199789	593424
7	Vùng nuôi tôm Hoàng Đạt	2201063	591337
8	Vùng nuôi tôm Hoàng Yên	2199710	597770
9	Vùng nuôi tôm Hoàng Phong	2189238	595074
10	Vùng nuôi tôm nội đê Hoàng Châu	2190549	594892
11	Vùng nuôi tôm Ngoại đê Hoàng Châu	2187846	592299
12	Vùng nuôi tôm Hoàng Phụ	2190864	596375
13	Vùng nuôi tôm Quảng Chính	2169979	583814
14	Vùng nuôi tôm Quảng Trung	2167970	582853
15	Vùng nuôi tôm Quảng Khê	2172154	580714
16	Vùng nuôi tôm Trường Giang	2169710	579669
17	Vùng nuôi tôm Thanh Thủy	2166739	581934

TT	Địa điểm quan trắc	Tọa độ lấy mẫu	
		X	Y
18	Vùng nuôi tôm Hải Châu	2168560	584547
19	Vùng nuôi tôm Xuân Lâm	2146816	580230
20	Vùng nuôi tôm Mai Lâm	2144266	579574
21	Vùng nuôi tôm Trúc Lâm	2144965	579863
III	Môi trường nuôi ngao		
1	Bãi ngao Hải Châu - phường Ngọc Sơn	2167712	584868
2	Bãi ngao Đa Lộc - xã Vạn Lộc	2206451	604291
3	Bãi ngao Minh Lộc - xã Vạn Lộc	2202932	600299
4	Bãi ngao Nga Tân - xã Tân Tiến	2207121	605611
IV	Môi trường nuôi cá lồng nước ngọt		
1	Khu vực nuôi Cánh Nàng - xã Bá Thước	2251609	521731
2	Khu vực nuôi Cẩm Thành - xã Cẩm Thạch	2239215	538518
3	Khu vực nuôi Hồ Cửa Đạt - xã Thường Xuân	2200001	529312

*** Ghi chú:** - Vị trí lấy mẫu theo Hệ tọa độ VN-2000;

- Căn cứ thực tiễn sản xuất và nhu cầu quan trắc có thể thay đổi vị trí lấy mẫu trong 01 vùng nuôi hoặc khu vực nuôi.